TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33/**2024/HS-ST
Ngày: 12-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Tống Nê**.

2/ Ông **Trần Văn Phước**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Kinh Luân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

*- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*:** Ông **Trần Minh Kha** – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 09 và 12 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc T, sinh năm 1985; tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số C, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; T: Không; Q: Việt Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 01/12; Con ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị C; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án

- Ngày 08/9/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tuyên phạt 07 năm tù về "Tội mua bán trái phép chất ma túy", chấp hành xong ngày 13/10/2021;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/12/2023 đến ngày 12/12/2023 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1997; ĐKTT: Số B, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở: Số D, khu phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

+ Lê Văn T2, sinh năm 1998; ĐKTT: Số E, ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: Số D, khu phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma tuý, nên vào ngày 05/12/2023, Phạm Ngọc T sử dụng điện thoại cá nhân liên lạc với một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể ở thành phố B, tỉnh Bến Tre để mua 200.000 đồng ma túy rồi đem về cất giấu để dành sử dụng. Đến khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 07/12/2023, T bỏ bịt ma túy mua được trước đó trong người rồi đến rủ Lê Văn T2 đi uống cà phê nhưng T không có nói cho T2 biết. T2 điều khiển xe mô tô biển số 71B4-661.62 chở T đi, khi đến khu vực ngã tư T thuộc ấp P, xã T, huyện C thì bị lực lượng Công an xã T ra tín hiệu dừng xe kiểm tra, do sợ bị kiểm tra xe nên T2 lên ga bỏ chạy, Tổ tuần tra truy đuổi đến khu vực thuộc ấp P, xã H, huyện C thì đuổi kịp T2 và T, qua kiểm tra phát hiện bên trong túi quần jean phía trước bên trái của T có một túi nilong màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép và vạch màu xanh chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy đá; trong túi áo khoác phía trong bên phải của T2 có một ống hút nhựa sọc màu trắng cam xanh và một ống thủy tinh được uốn cong một đầu, đầu được uốn cong có phần bầu hình cầu (do bị cáo T đưa cho T2 cất giữ giúp). Công an xã T trình báo Công an huyện C, tỉnh Bến Tre tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Một túi nilong màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép và vạch màu xanh chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy đá thu giữ trong túi quần của T; Một ống hút nhựa sọc màu trắng cam xanh và một ống thủy tinh được uốn cong một đầu, đầu được uốn cong có phần bầu hình cầu trong túi áo khoác phía trong bên phải của T2.

- Một điện thoại di động hiệu S A02 màu trắng, số IMEI 1 35284514334632, số IMEI 2 353051563324637, gắn sim số 0822773283 của Phạm Ngọc T.

- Một điện thoại di động nhãn hiệu oppo của Lê Văn T2.

- Một xe mô tô biển số 71B4-661.62.

Tại Bản kết luận giám định số 926/KL-KTHS ngày 11/12/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong túi nilong được niêm phong trong phong bì là ma túy, loại Methamphetamin, khối lượng 0,2741 gam.

Hoàn lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre mẫu vật ký hiệu M sau giám định đã được niêm phong có khối lượng: 0,2441 gam.

Cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 20/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Phạm Ngọc T về "Tội tàng trữ trái

phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Ngọc T. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: mẫu vật sau giám định có khối lượng 0,2441 gam; một ống hút nhựa sọc trắng – cam – xanh; một ống thủy tinh có một đầu bị uốn cong, phần đầu bị uốn công có bầu hình cầu, bên trong rỗng.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Một điện thoại di động hiệu Samsung A02 màu trắng, số IMEI 1 35284514334632, số IMEI 2 353051563324637, gắn sim số 0822773283 của Phạm Ngọc T.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đồng thời nói lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy những người vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử và đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra nên tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phù hợp với nội dung cáo trạng và tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra như: biên bản bắt người phạm tội quả tang; kết luận giám định. Từ đó, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 02 giờ 30 phút, 07/12/2023, tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, Công an huyện Châu Thành, Bến Tre phối hợp với Công an xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre bắt quả tang Phạm Ngọc T, có hành vi cất giấu trong người 0,2741 gam ma túy, loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích sử dụng, để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo Phạm Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" theo

quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng truy tố và phát biểu luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ và đúng người, đúng tội.

[4] Xét tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án vào năm 2017 về "Tội mua bán trái phép chất ma túy" (chấp hành xong 13/10/2021) chưa được xóa án tích đây là tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của nhà nước đối với các chất ma túy. Xét nhân thân và tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung theo quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với mẫu vật sau giám định có khối lượng 0,2441 gam, loại methamphetamine được niêm phong trong phong bì 926/2023 có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn C1, Phan Trung T3 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bến Tre; một ống hút nhựa sọc trắng – cam – xanh; một ống thủy tinh có một đầu bị uốn cong, phần đầu bị uốn công có bầu hình cầu, bên trong rỗng là chất ma túy cấm lưu hành, đồ vật để sử dụng, tàng trữ ma túy nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A02 màu trắng, số IMEI 1 35284514334632, số IMEI 2 353051563324637, gắn sim số 0822773283 của Phạm Ngọc T dung liên hệ để mua ma túy nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã trả cho Lê Văn T2 một điện thoại di động nhãn hiệu oppo; trả cho chị Nguyễn Thị Bích T1 một xe mô tô biển số 71B4-661.62 do không liên quan đến tội phạm nên ghi nhận.

[7] Đối với đối tượng bán ma túy cho Phạm Ngọc T do không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ và xử lý sau.

[8] Đối với Lê Văn T2 có hành vi chở Phạm Ngọc T nhưng không biết trong người T có tàng trữ trái phép chất ma túy nên không đủ cơ sở để xác định T2 đồng phạm với bị cáo T.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] *Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:*

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm *"Tội tàng trữ trái phép chất ma túy*";

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T **02 (H**ai**) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2023.

[2] *Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:*

Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: mẫu vật sau giám định có khối lượng 0,2441 gam, loại methamphetamine được niêm phong trong phong bì 926/2023 có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn C1, Phan Trung T3 và hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bến Tre; một ống hút nhựa sọc trắng – cam – xanh; một ống thủy tinh có một đầu bị uốn cong, phần đầu bị uốn công có bầu hình cầu, bên trong rỗng.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Một điện thoại di động hiệu Samsung A02 màu trắng, số IMEI 1 35284514334632, số IMEI 2 353051563324637, gắn sim số 0822773283 của Phạm Ngọc T.

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 28/02/2024 giữa Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre).

[3] *Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*; *Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

[4] Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện (3b);
- Bộ phận HS CA huyện (2b);
- UBND xã Mỹ Thạnh An (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Huỳnh Minh Hiền